

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22-7-2019
V/v xin ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Trí Thức và bà Đào Hoàng Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Tôn Thị N, sinh năm 1990. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vy Văn N, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tôn Thị N trình bày: Chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, trước khi kết hôn hai vợ chồng có quá trình tìm hiểu nhau, việc kết hôn hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc sống ban đầu hạnh phúc, sau khi cưới được mấy tháng, khi chị Tôn Thị N đang mang thai đứa con đầu tiên thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Vy Văn N rượu chè, cờ bạc; nhưng sau đó hai vợ chồng đã hòa giải và tiếp tục

sống cùng nhau. Đến khoảng năm 2013, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng do anh Vy Văn N tiếp tục rượu chè, cờ bạc; vợ chồng không tin tưởng nhau. Từ năm 2017 đến nay, chị Tôn Thị N về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn B, xã L, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đến nay chị Tôn Thị N xác định không còn tình cảm với anh Vy Văn N, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Ngà được ly hôn với anh Vy Văn N.

Về con chung, chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N có hai người con chung là: Vy Hồng H, sinh ngày 06/10/2009 và Vy Hồng H1, sinh ngày 03/10/2012. Hiện nay các con đang ở cùng với anh Vy Văn N. Khi ly hôn, chị Tôn Thị N đề nghị anh Vy Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi, chị Tôn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Theo lời khai tại biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2019, bị đơn anh Vy Văn N trình bày: Về việc kết hôn và đăng ký kết hôn cũng như quá trình sinh sống ban đầu đúng như nội dung chị Tôn Thị N đã trình bày. Đến năm 2013 anh Nội và chị Tôn Thị N đi Trung Quốc làm ăn, từ đó hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên cuộc sống chung không hòa hợp. Thời điểm hai vợ chồng làm việc tại Trung Quốc, mỗi người làm việc ở tỉnh khác nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau qua điện thoại. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay anh Vy Văn N xác định không còn tình cảm với chị Tôn Thị N, anh Nội đồng ý ly hôn với chị Tôn Thị N. Do công việc thường xuyên bận rộn nên anh Vy Văn N đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

Về con chung, vợ chồng có hai người con chung như chị Tôn Thị N trình bày. Khi ly hôn, anh Vy Văn N nhất trí anh là người nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, anh cũng nhất trí mức cấp dưỡng mà chị Tôn Thị N đã tự nguyện cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản khai của cháu Vy Hồng H, cháu Vy Hồng H trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố tại thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Khi bố mẹ còn chung sống với nhau, cháu thấy bố mẹ thường xuyên cãi nhau, bố còn đánh mẹ và đuổi mẹ ra khỏi nhà. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Vy Văn N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập chứng cứ liên quan đến hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N, theo lời khai của ông Vy Văn C là bố đẻ anh Vy Văn N trình bày: Sau khi kết hôn anh Vy Văn N và chị Tôn Thị N sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là gì ông không biết. Chị Tôn Thị N đã bỏ nhà về sống bên ngoại được khoảng 02 năm, nay chị Tôn Thị N chỉ thỉnh thoảng về nhà thăm con và cho con tiền học rồi đi ngay. Về việc chị Tôn Thị N xin ly

hôn thì ông Vy Văn C không có ý kiến gì, ông cho rằng đây là việc riêng của các con và chị Tôn Thị N đã bỏ đi từ lâu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Vy Văn N đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Vy Văn N vắng mặt, đã có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Tôn Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Vy Văn N, đề nghị anh Vy Văn N là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị Tôn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 500.000đồng/tháng đối với mỗi con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 63, 147, 235, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 84 của Luật Hôn nhân gia đình.

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N là hôn nhân hợp pháp, sau thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã ly thân từ năm 2017 đến nay, anh Vy Văn N đồng ý ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tôn Thị N.

Về con chung: Giao hai con chung là Vy Hồng H và Vy Hồng H1 cho anh Vy Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chị Tôn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng 500.000đồng/cháu/tháng, chị Tôn Thị N có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Tôn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều đã có lời khai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn và được Ủy ban nhân dân xã cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 30/10/2009, như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống thời gian gần đây hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, chị Tôn Thị N đã về sinh sống với bố mẹ đẻ, hai vợ chồng ly thân kể từ đó đến nay, trong thời gian ly thân chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N không còn sự quan tâm, chia sẻ chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N đã không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng, cụ thể là không còn sống chung với nhau, không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị N là có căn cứ, cần chấp nhận, do đó cần xử cho chị Tôn Thị N được ly hôn với anh Vy Văn N là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị Tôn Thị N và anh Vy Văn N có hai con chung là: Vy Hồng H, sinh ngày 06/10/2009 và Vy Hồng H1, sinh ngày 03/10/2012. Hiện nay các con đang ở cùng với anh Vy Văn N. Khi ly hôn, chị Tôn Thị N đề nghị anh Vy Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung cho đến khi 18 tuổi, chị Tôn Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi con là 500.000đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy, đề nghị của chị Tôn Thị N phù hợp quy định pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Vy Hồng H và điều kiện hoàn cảnh gia đình của hai bên; hơn nữa anh Vy Văn N đã có ý kiến chấp nhận đề nghị trên của chị Tôn Thị N, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện trên của chị Tôn Thị N.

[4] Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí, chị Tôn Thị N là nguyên đơn và là người cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, điều 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Tôn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tôn Thị N được ly hôn với anh Vy Văn N.

2. Về con chung: Giao hai cháu Vy Hồng H, sinh ngày 06/10/2009 và Vy Hồng H1, sinh ngày 03/10/2012 cho anh Vy Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vy Hồng H và Vy Hồng H1 đủ 18 tuổi.

Hàng tháng, chị Tôn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con chung là 500.000đồng/tháng đối với mỗi một người con (tức là 1.000.000đồng/tháng đối với cả hai người con chung), thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính kể từ ngày bản sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Vy Hồng H và Vy Hồng H1 đủ 18 tuổi.

Chị Tôn Thị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Vy Văn N; và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Chị Tôn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Tổng cộng là 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001766 ngày 28/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, nay chị Tôn Thị N còn phải nộp thêm 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Lạng Sơn;
- UBND xã Q;
- Chi cục THADS TP.Lạng Sơn;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Phương Thảo